

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST.

Ngày 22-02-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:**

Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 30/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 07/02/2024 đối với bị cáo:

Bùi Văn P, sinh năm 1998 tại Hòa Bình; nơi ĐKTT: Xóm S, xã Y, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở: Tổ N, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 28/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2022. Ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/05/2023; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 09/11/2023; tạm giam từ ngày 18/11/2023 đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Trần Đức N, sinh năm 1994; trú tại: Tổ N, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1971; trú tại: Tổ N, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Trần Đức S, sinh năm 1994; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn P là người đã bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” và thuộc trường hợp “Tái phạm” chưa được xóa án tích. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09/11/2023, P đi bộ qua khu vực nhà anh Trần Đức N thì phát hiện thấy trên vỉa hè phía bên hông

nhà anh N có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI Viva, biển kiểm soát: 90F9-2205, chìa khóa điện của xe vẫn cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh thấy vắng người nên P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô đem bán để lấy tiền tiêu xài. P đi đến dắt chiếc xe mô tô xuống lòng đường rồi đề nổ máy chiếc xe nhưng xe không nổ được máy. Khi P dắt chiếc xe đi được khoảng 10m thì bị anh N phát hiện, đuổi theo và tri hô mọi người đuổi bắt. P bỏ xe mô tô lại rồi bỏ chạy được khoảng 100m thì bị lực lượng Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý và quần chúng nhân dân bắt giữ.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô màu sơn xanh, nhãn hiệu SUZUKI Viva, biển kiểm soát: 90F9-2205 và 01 chùm chìa khóa của xe mô tô.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 16/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Phủ Lý kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI Viva, số khung: 060104838, số máy: VN104838, màu sơn: xanh, biển số: 90F9-2205, giá 2.500.000 đồng (Thời điểm tháng 11/2023)”.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-PL ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố Bùi Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm không thay đổi, bổ sung về nội dung đã truy tố đối với bị cáo Bùi Văn P, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 và khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 35, 38, 47, 50 của Bộ luật Hình sự:

- Hình phạt chính: Xử phạt Bùi Văn P từ 42 tháng đến 48 tháng tù.
- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Bùi Văn P từ 02 triệu đồng đến 03 triệu đồng sung vào ngân sách Nhà nước.
- Xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bùi Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa như biên bản bắt người phạm tội quả tang, khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường, giao nhận vật chứng; kết luận định giá tài sản; đơn trình báo, lời khai của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; lý lịch tư pháp của bị cáo và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bùi Văn P là người đã bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “*Tái phạm*” và chưa được xóa án tích. Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 09/11/2023 tại tổ 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, Bùi Văn P đã lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc trông coi, quản lý tài sản lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI Viva, biển kiểm soát: 90F9-2205 trị giá 2.500.000đồng của anh Trần Đức N thì bị phát hiện, bắt giữ quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” và thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo Bùi Văn Phụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

4.1. Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhân thân xấu do đã nhiều lần bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” (đều chưa được xóa án tích).

4.2. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện; bản thân là người dân tộc thiểu số phạm tội (dân tộc Mường) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

5.1. Hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ nghiêm trọng, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn gây mất trật tự, trị an khu vực dân cư, tạo nên tâm lý lo ngại, bức xúc trong nhân dân. Bị cáo là người mặc dù đã nhiều lần bị kết án về tội phạm xâm phạm quyền sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tu dưỡng bản thân mà vẫn tiếp tục vi phạm do cố ý thể hiện bản chất luôn coi thường pháp luật. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm bị cáo đã thực hiện và nhân thân xấu của bị cáo mới có đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành tuân thủ pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm.

5.2. Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, bất chính; tội phạm bị cáo thực hiện có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội là nghiêm trọng, thể hiện bản chất của người luôn coi thường pháp luật do đó việc áp dụng hình

phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Trần Đức N không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại tài sản nên trách nhiệm dân sự trong vụ án của bị cáo đối với bị hại không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng đã thu giữ: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI Viva, biển kiểm soát: 90F9-2205 và chùm chìa khóa của xe, quá trình điều tra đã xác định là tài sản đăng ký sử dụng hợp pháp đứng tên ông Trần Văn T. Chiếc xe đã được ông T tặng cho lại con trai là anh Trần Đức N nên là tài sản hợp pháp của anh N, do đó cần trả lại chiếc xe và chìa khóa xe cho anh N.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 và khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 53, các Điều 35, 38, 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 329, 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 09/11/2023.

1.2. Phạt tiền bị cáo Bùi Văn P 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Trần Đức N 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI Viva, số khung: 060104838, số máy: VN104838, màu sơn: xanh, biển số: 90F9-2205 và 01 (một) chùm chìa khóa.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý ngày 30/01/2024.

3. Án phí: Buộc bị cáo Bùi Văn P nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Phủ Lý;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Bị cáo Bùi Văn P;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn